TỈNH ỦY ĐỒNG NAI
BAN TUYÊN GIÁO
*
Số 224 - KH/BTGTU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2019

KẾ HOẠCH
tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành

---

Thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TU, ngày 20/9/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền trong việc triển khai thực hiện chủ trương đầu tư dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Kế hoạch số 2769/KH-UBND, ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai chi tiết công tác tập huấn; tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật để thực hiện dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân trong vùng triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành hiểu rõ, nắm vững chủ trương, chính sách, mục đích, ý nghĩa, tác động của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, tỉnh Đồng Nai và huyện Long Thành nói riêng, qua đó tạo sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Việc tuyên truyền chủ trương, phổ biến chính sách, pháp luật đất đai, mục đích, ý nghĩa, tác động của dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành phải được triển khai sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, lực lượng vũ trang, các chức sắc tôn giáo, đặc biệt là người dân trong vùng thực hện dự án; về tiến độ, kết quả triển khai thực hiện dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Công tác tuyên truyền chủ trương, phổ biến chính sách, pháp luật đất đai, mục đích, ý nghĩa, tác động của dự án, công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án phải đảm bảo thông tin đầy đủ, đúng quy định pháp luật, phù hợp với từng đối tượng.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước triển khai thực hiện dự án: Các nghị quyết của Quốc hội (khóa XIII, khóa XIV); các nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Quyết định số 1487/QĐ-TTg, ngày 06/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; các nội dung của khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo văn bản số 1572/TTg-CN, ngày 14/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ; các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tuyên truyền Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND, ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND, ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và quyết định điều chỉnh, sửa đổi.

3. Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND, ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh ban hành đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, để bán nhà thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê, để định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND, ngày 11/3/2019 về sửa đổi một số phụ lục đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, để bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê, để định giá trong các vụ án của tòa án, thi hành án và định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND, ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Tuyên truyền đề án đào tạo nghề, giải quyết việc làm và tổ chức lại cuộc sống của người dân thuộc dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo Quyết định số 2281/QĐ-UBND, ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh.

5. Tuyên truyền công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; các nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư, tái định cư Lộc An - Bình Sơn và phân khu III khu dân cư, tái định cư Bình Sơn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo đài trong tỉnh, ban tuyên giáo các cấp ủy trực thuộc tỉnh, ban tuyên giáo MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Nắm bắt tình hình dư luận xã hội, tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là nhân dân trong vùng triển khai thực hiện dự án. Phối hợp với các cơ quan liên quan biên soạn tài liệu tuyên truyền về dự án.

2. Đề nghị các cấp ủy trực thuộc tỉnh chỉ đạo công tác quán triệt, tuyên truyền về chủ trương, chính sách, ý nghĩa, tác động của Dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và của tỉnh Đồng Nai nói riêng; công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan đến triển khai dự án.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy Long Thành chỉ đạo xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến các nội dung liên quan đến chủ trương, chính sách, pháp luật cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện nói chung, đặc biệt là nhân dân 06 xã: Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Long An, Long Phước và Bàu Cạn, huyện Long Thành nói riêng để tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nhất là trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương để tuyên truyền, thông tin đến các đối tượng người dân; kịp thời theo dõi, nắm bắt

tình hình an ninh, trật tự, báo cáo lãnh đạo tỉnh khi có vấn đề phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện dự án.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhất là đoàn viên, hội viên ở các xã trong vùng thực hiện dự án thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là các chính sách có liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong thực hiện dự án.

5. Đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND huyện Long Thành có hình thức tuyên truyền, cổ động trực quan phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

6. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Lao động Đồng Nai bám sát định hướng của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và phối hợp chặt chẽ với Sở Tài Nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền tình hình triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; kịp thời thông tin đầy đủ về quy trình, thủ tục, đơn giá, trách nhiệm và quyền lợi người dân bị thu hồi đất... tạo sự đồng thuận cao của người dân có đất bị thu hồi thuộc dự án.

7. Ban tuyên giáo các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh, ban tuyên giáo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Tăng cường hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên; cung cấp thông tin, tài liệu cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, đài truyền thanh tuyên truyền về dự án trên địa bàn. Chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết những bức xúc nảy sinh trong quá trình thực hiện dự án, không để phát sinh điểm nóng, khiếu kiện đông người gây phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn.

Trên đây là kế hoạch tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành,

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện./.

(Tài liệu tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tại địa chỉ: ***tuyengiao.dongnai.gov.vn/tuyentruyen).***

Nơi nhận:
- Các cơ quan liên quan mục III (*thực hiện*),
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- VPTU, VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên - Môi trường;
- Các đ/c Lãnh đạo Ban;
- Phòng TT-TT (*theo dõi*);
- Lưu phòng HC-TH.

Đồng kính gửi:
- Ban Tuyên giáo TW *(để báo cáo);*
- TTTU *(để báo cáo);*
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy *(để báo cáo);*
- UBND tỉnh.

TRƯỞNG BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TUYÊN GIÁO
TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

Thái Bảo

PHẦN I:
MỞ ĐẦU

Quan điểm mang tính chiến lược về Cảng hàng không quốc tế (HKQT) Long Thành đã được chính thức đề cập từ những năm 1980. Qua quá trình nghiên cứu, Đảng và Nhà nước đã dần hoàn thiện ý tưởng về một cảng HKQT trung chuyển lớn nhất toàn quốc, có khả năng phát triển thành một trung tâm trung chuyển hàng không và có khả năng cạnh tranh với các cảng hàng không trung chuyển trong khu vực và thế giới.

Năm 1997, theo Quy hoạch phát triển hệ thống sân bay toàn quốc (được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 911/1997/QĐ-TTg ngày 24/10/1997), Cảng HKQT Long Thành đã được đưa vào Kế hoạch thực hiện phát triển thành sân bay nội địa, dự bị quốc tế.

Năm 2005, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch về vị trí, quy mô và phân khu chức năng Cảng HKQT Long Thành tại Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 20/7/2005.

Năm 2009, theo Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, nêu rõ hơn về vai trò Cảng HKQT Long Thành là: "...đảm bảo vai trò hỗ trợ Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, trở thành cảng HKQT quan trọng nhất của khu vực phía Nam, là cảng HKQT lớn nhất toàn quốc và là trung tâm trung chuyển hành khách của khu vực theo tiêu chuẩn quốc tế".

Năm 2011, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Cảng HKQT Long Thành tại Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 14/6/2011 xác định Cảng HKQT Long Thành với chức năng trung chuyển trong khu vực Đông Nam Á, có khả năng cạnh tranh với các cảng hàng không lớn trên thế giới, tiếp nhận được máy bay A380-800 hoặc tương đương, công suất 100 triệu hành khách/năm và 5 triệu tấn hàng hóa.

Năm 2015, Quốc hội khóa XIII Kỳ họp 9 thông qua chủ trương đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành theo Nghị quyết số 94/2015/QH13 ngày 25/6/2015. Theo đó, Quốc hội giao Chính phủ chỉ đạo: "Xây dựng phương án cụ thể và chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác thu hồi đất một lần cho toàn bộ Dự án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải quyết việc làm cho người dân có đất thu hồi; quản lý và sử dụng hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng theo quy hoạch được phê duyệt của Dự án; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; tổ chức phát triển sản xuất, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân vùng chịu ảnh hưởng của Dự án".

Năm 2017, theo Nghị quyết số 38/2017/QH14 ngày 19/6/2017, Quốc hội khóa XIV Kỳ họp thứ 3 đồng ý chủ trương tách nội dung thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Cảng HKQT Long Thành thành dự án thành phần. Cuối năm 2017, tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV thông qua Nghị quyết số 53/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT) Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành.

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo NCKT Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành theo Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018.

Trung tâm Phát triển quỹ đất - cơ quan trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai là đơn vị chủ trì tham mưu biên tập Sổ tay tuyên truyền về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đào tạo nghề, giải quyết việc làm Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành. Tài liệu này không mang tính pháp lý, được biên soạn nhằm phổ biến các nội dung liên quan đến chủ trương, chính sách, pháp luật cho các tầng lớp Nhân dân nói chung và Nhân dân trong 06 xã: Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Long An, Long Phước và Bàu Cạn, huyện Long Thành nói riêng để tạo sự đồng thuận trong việc tổ chức triển khai thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành.

UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng trang thông tin điện tử: ***http://www.longthanhairport.dongnai.gov.vn***, cung cấp đầy đủ thông tin chi tiết về chế độ, chính sách, tiến độ triển khai thực hiện Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành.

PHẦN II:
TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ CẢNG HKQT LONG THÀNH

Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành là dự án thành phần của Dự án Cảng HKQT Long Thành theo Nghị quyết số 38/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội khóa XIV. Theo Báo cáo NCKT đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng HKQT Long Thành có các thông tin như sau:

1. Tên Dự án: Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng HKQT Long Thành (gọi tắt là Dự án).

2. Nhóm dự án: Dự án thành phần của Dự án quan trọng quốc gia.

3. Cấp quyết định đầu tư Dự án: Thủ tướng Chính phủ.

4. Chủ đầu tư: UBND tỉnh Đồng Nai.

5. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

6. Mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của Dự án

a) Mục tiêu Dự án: Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để có mặt bằng "sạch" giao chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành đúng tiến độ.

b) Nhiệm vụ của Dự án: Thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cảng HKQT Long Thành; đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ổn định cuộc sống người dân; điều chỉnh địa giới hành chính các xã trong vùng Dự án; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Phạm vi thực hiện: Thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên các phần diện tích thuộc địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai:

- Đất xây dựng cảng hàng không: 5.000 ha:

Stt	Đơn vị hành chính xã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
1	Bình Sơn	1.998,9	40,0
2	Suối Trầu	1.358,6	27,2
3	Long An	659,6	13,2
4	Cẩm Đường	507,8	10,2
5	Long Phước	317,4	6,3
6	Bàu Cạn	157,7	3,1

- Đất xây dựng 02 khu tái định cư: 364,21 ha, gồm: Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn: 282,35 ha; một phần Phân khu III Khu tái định cư Bình Sơn: 81,86 ha.

7. Giá trị tổng mức đầu tư: 22.856 tỷ đồng, cụ thể:

Stt	Nội dung công việc	Kinh phí thực hiện

		(tỷ đồng)
1	Lập Báo cáo NCKT Dự án	27
2	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	17.855
3	Xây dựng hạ tầng các khu tái định cư	4.189
4	Đào tạo nghề, giải quyết việc làm	306
5	Tái lập hạ tầng ngoài sân bay	479

8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

PHẦN III:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG
CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Từ năm 2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn và Khu tái định cư Bình Sơn nhằm di dời, bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng bị bị thu hồi đất để xây dựng Cảng HKQT Long Thành. Đây là những khu dân cư, tái định cư đảm bảo cho người dân tái định cư có điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn so với hiện tại; đồng thời, hướng tới xây dựng đô thị mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Theo Báo cáo NCKT Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nội dung đầu tư của Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn (282,35 ha) và một phần Phân khu III Khu tái định cư Bình Sơn (81,86 ha) cụ thể như sau:

1. Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn

1.1. Vị trí

Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn nằm trên địa bàn 02 xã Lộc An và Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai:

- Phía Đông giáp cụm công nghiệp Bình Sơn;
- Phía Tây giáp đường ĐT.769 - đoạn tránh đô thị Bình Sơn;
- Phía Nam giáp đường ĐT.769 và Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn;
- Phía Bắc giáp đường ĐT.769 - đoạn tránh đô thị Bình Sơn.

1.2. Quy mô

a) Về diện tích:

Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn có diện tích khoảng 282,35 ha:

Stt	Phân khu	Quy mô diện tích (ha)	Quy mô dân số (người)
1	I	87,0345	10.500-11.500
2	II	95,1635	8.000-9.000
3	III	100,1476	8.000-9.000

b) Về số lượng lô đất:

Stt	Mức diện tích (m^2)	Số lô
1	80	876
2	125-150	2.641

3	250-300	1.485
Tổng:		**5.002**

1.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Các phân khu được đầu tư đồng bộ các hạng mục hạ tầng: San nền, giao thông và cây xanh, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và điện chiếu sáng, thông tin liên lạc và một trạm xử lý nước thải công suất 8.000 m^3/ngày đêm.

1.4. Hệ thống hạ tầng xã hội

Xây dựng mới, đồng bộ 11 công trình xã hội, bao gồm:

Stt	Tên công trình	Diện tích (m^2)	Stt	Tên công trình	Diện tích (m^2)
1	Trường mầm non	11.923	7	Trung tâm văn hóa	2.387
2	Trường mầm non	6.465	8	Trường mầm non	5.222
3	Trường tiểu học	23.208	9	Trường tiểu học	12.968,5
4	Trường mầm non	4.706,5	10	Trường THCS	15.959
5	Trường THCS	30.691	11	UBND xã Lộc An	23.482
6	Chợ	19.778			

1.5. Bố trí lại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng

Khi lập quy hoạch chi tiết 1/500 các khu tái định cư phục vụ Dự án Cảng HKQT Long Thành, UBND huyện Long Thành đã tổ chức lấy ý kiến của người dân và các cơ sở tôn giáo. Theo đó, vị trí xây dựng lại 03 cơ sở tôn giáo này đã được xác định trên bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư, tái định cư Lộc An - Bình Sơn với diện tích như sau:

Stt	Công trình	Diện tích đất bố trí (m^2)	Ký hiệu vị trí lô đất trong khu tái định cư
1	Giáo xứ Thành Tâm	13.770	I-DT
2	Giáo xứ Thành Đức	15.511	III-DT-1
3	Chùa Bửu Lâm	13.831	III-DT-2
4	Đình Thần, Miếu	1.800	III-DT-3
Tổng:		**44.912**	

2. Một phần Phân khu III Khu tái định cư Bình Sơn

2.1. Vị trí

Phân khu III là một trong 03 phân khu của Khu tái định cư Bình Sơn, thuộc địa bàn xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, có vị trí xác định cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đường ĐT.769;

- Phía Tây và phía Bắc giáp đất trồng cây cao su (quy hoạch xây dựng Phân khu I và II Khu tái định cư Bình Sơn);

- Phía Nam giáp suối Ông Trữ.

2.2. Quy mô

a) Về diện tích:

Theo quy hoạch đã được phê duyệt, Phân khu III Khu tái định cư Bình Sơn có quy mô diện tíc 97,06 ha và quy mô dân số 9.340 người. Tuy nhiên, hiện tại UBND tỉnh Đồng Nai chỉ đầu tư hạ tầng với diện tích 81,86 ha.

b) Về số lượng lô đất:

Stt	Mức diện tích (m²)	Số lô
1	95-150	1.023
2	250-300	516
Tổng:		**1.539**

2.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Đầu tư đồng bộ các hạng mục hạ tầng: San nền, giao thông và cây xanh, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện và điện chiếu sáng, thông tin liên lạc và một trạm xử lý nước thải công suất 2.600 m^3/ngày đêm trên phần diện tích 81,86 ha của một phần Phân khu III Khu tái định cư Bình Sơn.

1.4. Hệ thống hạ tầng xã hội

Xây dựng mới, đồng bộ 03 công trình xã hội, bao gồm:

Stt	Tên công trình	Diện tích (m²)
1	Trường mầm non	8.777
2	Trường tiểu học	9.778
3	Trường THCS	13.282

PHẦN IV:
CHÍNH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng theo Luật Đất đai năm 2013 và văn bản hướng dẫn thi hành, Khung chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy định cụ thể được áp dụng trên địa bàn tỉnh tỉnh Đồng Nai.

1. Chính sách theo quy định hiện hành

1.1. Nguyên tắc bồi thường về đất (Điều 74 Luật Đất đai)

- Người sử dụng đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định thì được bồi thường;

- Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất;

- Việc bồi thường phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện được bồi thường về đất (Điều 75 Luật Đất đai)

- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận;

- Cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng đất không phải do Nhà nước giao, cho thuê và có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận;

- Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần; nhận thừa kế quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất đã nộp, tiền

nhận chuyển nhượng đã trả không phải ngân sách nhà nước, có Giấy chứng nhận hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận.

1.3. Các trường hợp không được bồi thường về đất (Điều 76, Điều 82 Luật Đất đai)

- Đất Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân);

- Đất Nhà nước giao cho tổ chức được miễn tiền sử dụng đất;

- Đất Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm; đất Nhà nước cho thuê được miễn tiền thuê đất (trừ hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách người có công);

- Đất công ích của xã;

- Đất nhận khoán của nông, lâm trường;

- Đất được Nhà nước giao quản lý.

1.4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

- Đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là các trường hợp không được bồi thường về đất theo Điều 76 Luật Đất đai.

- Chi phí đầu tư vào đất còn lại gồm toàn bộ hoặc một phần của các khoản chi phí: San lấp mặt bằng; cải tạo đất, chống xói mòn; gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún và chi phí khác có liên quan đã đầu tư.

1.5. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi thu hồi đất nông nghiệp (Điều 77, Điều 78 Luật Đất đai)

a) Đối với đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân:

- Diện tích đất nông nghiệp được bồi thường bao gồm diện tích trong hạn mức và diện tích đất do được nhận thừa kế;

- Đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại;

- Đối với diện tích đất nông nghiệp do nhận chuyển quyền sử dụng đất vượt hạn mức trước ngày 01/7/2014 thì việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

b) Đối với đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo:

- Tổ chức kinh tế đang sử dụng đất nông nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần, nhận chuyển nhượng, nếu có đủ điều kiện thì được bồi thường về đất; mức bồi thường về đất được xác định theo thời hạn sử dụng đất còn lại;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đang sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại nếu chi phí này không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Trường hợp đất đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại;

- Cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện thì được bồi

thường về đất.

1.6. Bồi thường về đất ở (Điều 79 Luật Đất đai, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)

a) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở đủ điều kiện bồi thường thì được bồi thường như sau:

- Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở thì được bồi thường bằng tiền;

- Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền;

b) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

c) Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ riêng theo quy định hoặc nhiều hộ gia đình chung quyền sử dụng một thửa đất ở thì UBND tỉnh quyết định mức đất ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

1.7. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (Điều 80, Điều 81 Luật Đất đai)

a) Đất với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân:

- Nếu đủ điều kiện thì thì được bồi thường bằng tiền theo thời hạn sử dụng đất còn lại đối với đất sử dụng có thời hạn;

- Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm; cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần nhưng được miễn tiền thuê đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do thực hiện chính sách đối với người có công);

b) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng:

- Tổ chức kinh tế sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, đất nghĩa trang, nghĩa địa nếu có đủ điều kiện thì được bồi thường bằng tiền theo thời hạn sử dụng đất còn lại;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính sử dụng đất phi nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần nếu đủ điều kiện thì được bồi thường về đất theo thời hạn sử dụng đất còn lại;

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính sử dụng đất phi nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

- Cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng đất phi nông nghiệp đủ điều kiện thì được bồi thường về đất.

1.8. Bồi thường, hỗ trợ về đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận

- Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế;

- Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất nhưng ranh giới không thay đổi, không tranh chấp, không lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế;

- Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ quyền sử dụng đất, được UBND xã xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang hoặc nhận chuyển quyền, đất sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế;

- Đối với phần diện tích đất nhiều hơn diện tích đất ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất mà diện

tích đất nhiều hơn là do lấn, chiếm thì không được bồi thường về đất.

2. Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, tài sản, cây trồng

2.1. Bồi thường về nhà, công trình

a) Đối với nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

- Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường và xây dựng trước ngày 25/6/2015 [(1)] thì được bồi thường bằng giá trị xây mới;

- Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt xây dựng trên đất xây dựng sau ngày 25/6/2015 thì không được bồi thường;

- Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt xây trên đất không đủ điều kiện bồi thường và xây dựng trước ngày 25/6/2015 thì được hỗ trợ bằng giá trị xây mới. Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một lô đất ở bằng mức diện tích nhỏ nhất của khu tái định cư và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà cho thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) được hỗ trợ bằng giá trị xây mới đối với phần diện tích nhà tự cơi nới trước ngày 25/6/2015 và chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tại thời điểm hỗ trợ. Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất bị thu hồi thì được giao một lô đất ở bằng mức diện tích nhỏ nhất theo quy hoạch chi tiết của khu tái định cư và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

b) Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất:

- Đối với nhà, công trình tôn giáo, cơ sở thờ tự, các công trình của cộng đồng dân cư được bồi thường bằng giá trị xây mới;

- Đối với nhà, công trình xây dựng khác không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định thì UBND tỉnh quyết định mức bồi thường.

2.2. Đơn giá bồi thường nhà, tài sản, cây trồng

- Đơn giá bồi thường nhà áp dụng theo Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh sửa đổi một số Phụ lục Đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, để bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê, để định giá trong các vụ án của Tòa án, thi hành án và để định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác trên địa bàn tỉnh;

- Đơn giá bồi thường tài sản, cây trồng áp dụng theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

- Đối với nhà, công trình, tài sản và cây trồng không có tên trong danh mục bảng giá do UBND tỉnh ban hành, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị trước khi UBND tỉnh quyết định việc bồi thường.

3.3. Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân:

- Bồi thường chi phí di chuyển từ 6-10 triệu đồng/hộ;

- Trường hợp cho thuê nhà để ở (có hợp đồng được chứng thực) thì người cho thuê nhà được bồi thường 50% các mức nêu trên;

[(1)] Ngày 25/6/2015, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 94/2015/QH13 về chủ trương đầu tư Dự án Cảng HKQT Long Thành.

- Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản, với mức hỗ trợ bằng các mức nêu trên (theo Khung chính sách).

b) Di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì thuê tư vấn xác định chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt; xác định thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt vận hành thử trước khi UBND tỉnh quyết định.

3. Các chính sách hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

- Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi từ 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng trở lên thì hỗ trợ ổn định đời sống từ 12-36 tháng. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu trong một tháng được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo;

- Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó;

- Người lao động được thuê theo hợp đồng lao động thì áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định, thời gian trợ cấp là 06 tháng.

3.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Khung chính sách)

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền với mức bằng ***02 lần*** [(2)] giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND tỉnh; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp.

3.3. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở (Khung chính sách)

- Hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư thì trong thời gian chờ xây dựng nhà ở mới sẽ được được hỗ trợ tiền thuê nhà ở là 04 triệu đồng/hộ/tháng; thời gian hỗ trợ 05 tháng;

- Hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư nhưng không có nhu cầu nhận đất ở thì được hỗ trợ bằng mức nêu trên.

3.4. Hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp do cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) đang sử dụng đất (Khung chính sách)

Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định.

3.5. Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách (Khung chính sách)

Hộ gia đình có người là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, bệnh binh, bị nhiễm chất độc da cam, gia đình liệt sĩ, hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà bị thu hồi hết đất nông nghiệp hoặc bị thu hồi hết đất ở thì được hỗ trợ từ 10-30 triệu đồng/hộ.

[(2)] Đối với các dự án khác trên địa bàn huyện Long Thành, mức hỗ trợ này chỉ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND tỉnh.

3.6. Hỗ trợ về giáo dục (Khung chính sách)

Người phải di chuyển chỗ ở đang theo học tại các trường mầm non, phổ thông, các trường (lớp) bổ túc văn hóa trên địa bàn tỉnh, các cơ sở giáo dục đại học trong nước thì được hỗ trợ học phí và chi phí học tập, thời gian hỗ trợ không quá 03 năm học.

3.7. Hỗ trợ dịch vụ y tế (Khung chính sách)

Cá nhân thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, công nhân bị mất việc và học sinh, sinh viên thuộc diện tái định cư hoặc phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ dịch vụ khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, mỗi cá nhân được hỗ trợ mua một thẻ bảo hiểm y tế có thời hạn sử dụng là 03 năm.

3.8. Thưởng cho đối tượng chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật về thu hồi đất (Khung chính sách)

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường và bàn giao đất đúng thời gian quy định thì được thưởng từ 01-12 triệu đồng/hộ, mức thưởng được tính lũy tiến theo tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ.

3.9. Bố trí đất ở trong khu tái định cư (Khung chính sách)

- Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở nhưng trên đất chưa xây dựng nhà ở và không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã nơi thực hiện dự án thì được giao một lô đất ở trong khu tái định cư;

- Trường hợp giá trị bồi thường về đất ở nhỏ hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu (200 triệu đồng tại huyện Long Thành) thì hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ chênh lệch giá trị đó;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bồi thường về đất ở có diện tích chênh lệch lớn hơn hoặc bằng diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của UBND tỉnh (100 m^2 tại địa bàn các xã) và hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nhận thêm lô tái định cư thì được xem xét bố trí thêm 01 lô tái định cư và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi nhiều thửa đất ở hoặc một thửa đất ở có diện tích lớn thì được bố trí xem xét bố trí các lô tái định cư tại khu tái định cư với diện tích tương ứng;

- Trường hợp hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, trên đất có nhà ở xây dựng trước ngày 25/6/2015 có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống và không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn hành chính xã nơi có đất bị thu hồi thì mỗi cặp vợ chồng đó có nhu cầu xin tách hộ khẩu thì được giao một lô đất ở bằng mức diện tích nhỏ nhất theo quy hoạch chi tiết của khu tái định cư và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3.10. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở (Khung chính sách)

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, bị thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư bằng 160 triệu đồng.

PHẦN V:
CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

1. Chính sách hỗ trợ đối với giáo dục nghề nghiệp

1.1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

Người trong độ tuổi lao động, thường trú trong hộ gia đình kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở hoặc bị ảnh hưởng đến việc làm và đời sống trong vùng dự án có nhu cầu đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

1.2. Chính sách miễn giảm chi phí đào tạo nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ

a) Người tham gia học trung cấp và cao đẳng:

- Hỗ trợ học phí cho 01 khóa đào tạo, trường hợp đang theo học thì hỗ trợ học phí cho thời gian còn lại của khóa đào tạo kể ngày có quyết định thu hồi đất.

- Các đối tượng trên tham gia đào tạo nghề nghiệp nếu có nhu cầu thì được vay vốn như đối với người thuộc hộ nghèo. Mức vay 1.500.000 đồng/tháng.

- Thời gian: Tối đa 05 năm, kể từ ngày có quyết định thu hồi đất.

b) Đối với người học sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng:

Hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại cho 01 khóa học như đối với hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, như sau:

- Mức hỗ trợ chi phí đào tạo tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học.

- Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

- Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

1.3. Thời hạn sử dụng của thẻ đào tạo nghề

- Người có nhu cầu học nghề được cấp thẻ đào tạo nghề để đăng ký tham gia học nghề.

- Mỗi lao động chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ học phí đào tạo và các khoản hỗ trợ cho 01 khóa đào tạo nghề, thời gian lựa chọn và đăng ký học nghề không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi đất hoặc phải di chuyển chỗ ở.

1.4. Ngành nghề đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa tỉnh Đồng Nai

I	**CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHỆ CAO ĐỒNG NAI**		
1	Điện công nghiệp	11	Kỹ thuật chế biến món ăn
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	12	Tự động hóa công nghiệp
3	Quản trị mạng máy tính	13	Lái xe ô tô B2
4	Ứng dụng phần mềm	14	Vận hành xe nâng
5	Kế toán doanh nghiệp	15	Kỹ thuật chế biến món ăn
6	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	16	May công nghiệp
7	Công nghệ ô tô	17	Tiện rèn
8	Cắt gọt kim loại	18	Sửa chữa máy kéo công suất nhỏ
9	May thời trang	19	Lắp đặt điện nội thất
10	Quản trị khách sạn		
II	**CAO ĐẲNG NGHỀ SỐ 8**		

1	Hàn	23	Công nghệ thông tin
2	Kỹ thuật dược	24	Lắp đặt điện dân dụng và công nghiệp
3	Điện công nghiệp	25	Điện lạnh
4	Điện tử công nghiệp	26	Điện tử
5	Công nghệ ô tô	27	Sửa chữa ti vi màu
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	28	Sửa chữa VCD/DVD
7	Cắt gọt kim loại	29	Bảo trì thiết bị điện,điện tử công nghiệp
8	Kế toán doanh nghiệp	30	Sửa chữa điện thoại di động
9	Lập trình máy tính	31	Sửa chữa động cơ điện và thiết bị điện gia dụng
10	May thời trang	32	Kỹ thuật tiện
11	Thiết kế thời trang	33	Kỹ thuật phay
12	Quản trị nhà hàng	34	Sửa xe gắn máy
13	Nghiệp vụ nhà hàng	35	Nghiệp vụ kế toán
14	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	36	Sửa chữa lắp ráp máy tính
15	Thiết kế đồ họa	37	Đồ họa máy tính
16	Điều dưỡng	38	Quản trị mạng máy tính
17	Kỹ thuật xây dựng	39	Bảo trì máy may
18	Lái xe ô tô	40	May công nghiệp
19	Lái xe nâng chuyển	41	Bảo vệ
20	Trồng trọt	42	Vệ sỹ
21	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	43	Sư phạm dạy nghề
III	**CAO ĐẲNG QUỐC TẾ CÔNG NGHỆ LILAMA 2**		
1	Hàn	10	Cơ điện tử
2	Điện công nghiệp	11	Điện tử viễn thông
3	Điện tử công nghiệp	12	Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính
4	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong CN	13	Công nghệ ô tô
5	Chế tạo thiết bị cơ khí	14	Vận hành cần trục
6	Lắp đặt thiết bị cơ khí	15	Kế toán doanh nghiệp
7	Kỹ thuật lắp đặt ống CN	16	Lái xe ô tô B2
8	Bảo trì thiết bị cơ điện	17	Vận hành xe nâng
9	Cắt gọt kim loại	18	Vận hành cầu trục
V	**CAO ĐẲNG KỸ THUẬT ĐỒNG NAI**		
1	Điện công nghiệp	15	Chế biến rau quả
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa	16	Kiểm tra và phân tích hóa chất

	không khí		
3	Điện tử công nghiệp	17	Kế toán doanh nghiệp
4	Điện tử dân dụng	18	Điện dân dụng
5	Cơ điện tử	19	Điện lạnh
6	Nguội sửa chữa máy công cụ	20	Tiện
7	Cắt gọt kim loại	21	Phay
8	Công nghệ Hàn	22	Hàn
9	Công nghệ Ô tô	23	Cơ khí sửa chữa
10	Quản trị mạng máy tính	24	May công nghiệp
11	Công nghệ thông tin	25	May giày da
12	Lập trình máy tính	26	Sửa chữa thiết bị may
13	May và thiết kế thời trang	27	Tin học ứng dụng
14	Chế biến thực phẩm		
VI	**CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI**		
1	Điều dưỡng	5	Kỹ thuật xét nghiệm y học
2	Dược sĩ	6	Y sĩ
3	Hộ sinh	7	Nhân viên xoa bóp
4	Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng		
VII	**CAO ĐẲNG LÊ QUÝ ĐÔN**		
1	Dược sĩ	2	Điều dưỡng
VIII	**CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ SONADEZI**		
1	Công nghệ may	6	Tiếng Anh thương mại
2	Công nghệ giày da	7	Tiếng Trung thương mại
3	Quản trị kinh doanh	8	Công nghệ kỹ thuật xây dựng
4	Tài chính ngân hàng	9	Công nghệ thông tin
5	Kế toán doanh nghiệp		
IX	**CAO ĐẲNG MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐỒNG NAI**		
1	Thiết kế đồ họa	5	Gốm
2	Thiết kế thời trang	6	Truyền thông đa phương tiện
3	Thiết kế nội thất	7	Nhiếp ảnh
4	Điêu khắc		
X	**CAO ĐẲNG THỐNG KÊ II**		
1	Kế toán doanh nghiệp	4	Phiên dịch tiếng anh thương mại
2	Thống kê doanh nghiệp	5	Marketing thương mại
3	Quản trị mạng máy tính	6	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

XI	CAO ĐẲNG HÒA BÌNH - XUÂN LỘC		
1	Điện công nghiệp	9	Tin học văn phòng
2	Công nghệ ô tô	10	Thiết kế đồ họa
3	Nghiệp vụ nhà hàng	11	Kỹ thuật sửa chữa & lắp ráp máy tính
4	Hướng dẫn viên du lịch	12	Quản trị mạng
5	Quản trị khách sạn	13	May thời trang
6	Kế toán doanh nghiệp	14	Mộc xây dựng và trang trí nội thất
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	15	Hàn
8	Vận hành và sửa chữa thiết bị lạnh	16	Nguội sửa chữa

2. Chính sách giải quyết việc làm cho người lao động thuộc Dự án

2.1. Làm việc trong các doanh nghiệp

- Nhu cầu sử dụng lao động giai đoạn 2019-2020:

Stt	Các khu công nghiệp trên địa bàn	Tuyển dụng lao động (người)		Cộng (người)
		2019	2020	
1	Huyện Long Thành	19.028	22.522	**41.550**
2	Huyện Nhơn Trạch	20.541	25.222	**45.763**
3	Huyện Trảng Bom	412	490	**902**
4	Thành phố Biên Hòa	2.962	3.510	**57.386**
Tổng cộng		**42.943**	**51.744**	**94.687**

2.2. Ưu tiên bố trí làm việc tại Dự án

Người lao động đủ điều kiện và phù hợp với khả năng thì được ưu tiên giới thiệu vào làm việc tại Cảng HKQT Long Thành trong quá trình xây dựng và khi đi vào hoạt động.

2.3. Giải quyết việc làm theo chương trình vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm

a) Đối tượng:

Những trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện vào làm việc tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Chính sách hỗ trợ:

Được ưu tiên tạo điều kiện giải quyết việc làm tại các hợp tác xã dịch vụ trên địa bàn huyện Long Thành, được vay vốn tự tạo việc làm, sản xuất kinh doanh theo quy định với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo.

c) Thời gian hỗ trợ:

Tối đa 05 năm tính từ thời điểm có Quyết định thu hồi đất.

2.4. Hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Đối tượng:

Người lao động thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất, có nguyện vọng đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đáp ứng điều kiện theo yêu cầu của đơn vị tuyển dụng.

b) Chính sách hỗ trợ:

- Chi phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết; tiền ăn, chi phí đi lại; chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp...

- Được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội với mức vay tối đa bằng 100% các khoản chi phí người lao động phải đóng góp. Lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo.

c) Thời gian hỗ trợ:

Tối đa 05 năm tính từ thời điểm có Quyết định thu hồi đất.

2.5. Tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm cho người dân

- Tổ chức đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động thuộc diện bị thu hồi đất theo Khung chính sách được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ưu tiên lao động trẻ thuộc vùng Dự án được đào tạo với các nghề trọng điểm theo chuẩn Quốc gia, khu vực và quốc tế (giai đoạn 2016-2020 là 1.000 người), nhằm đáp ứng khả năng và giới thiệu vào làm việc trong quá trình xây dựng sân bay từ năm 2019-2023. Tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho người lao động về nhu cầu sử dụng lao động tại Cảng HKQT Long Thành.

- Phối hợp với Trường cao đẳng Quốc tế Công nghệ Lilama 2 liên kết với Trường West College Scotland, để xây dựng chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Cảng hàng không, phối hợp với Học viện Hàng không Việt Nam (VAA) để đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn nước ngoài, đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động tại Cảng HKQT Long Thành.

PHẦN VI:
ĐẦU TƯ TÁI LẬP HẠ TẦNG NGOÀI RANH GIỚI CẢNG HÀNG KHÔNG

Sau khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng Cảng HKQT Long Thành, một số địa bàn dân cư và hệ thống hạ tầng bị chia cắt. Do đó, UBND tỉnh Đồng Nai đầu tư xây dựng các hạng mục sau:

1. Hệ thống đường gom xung quanh sân bay

Bao gồm 03 tuyến đường ngoài ranh sân bay, có chiều dài tổng cộng 19,884 km:

- Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường: Tổng chiều dài 10,355 km, cấp kỹ thuật: Đường cấp IV đồng bằng, tốc độ xe chạy 60 km/h, bề rộng mặt đường 07 m. Trên tuyến có 03 cầu bê tông cốt thép dầm dự ứng lực (DƯL), nhịp 24,54 m;

- Đường Cầu Mên: Tổng chiều dài 5,263 km, cấp kỹ thuật: Đường cấp V đồng bằng, tốc độ xe chạy 40 km/h, bề rộng mặt đường 5,5 m.

- Đường ấp 2 xã Suối Trầu: Tổng chiều dài 4,266 km gồm 02 nhánh (nhánh chính dài 3.651,55 m và nhánh 2 dài 615,78 m), cấp kỹ thuật: Đường cấp V đồng bằng, tốc độ xe chạy 40 km/h, bề rộng mặt đường 5,5 m. Trên tuyến có 03 cầu bê tông cốt thép dầm DƯL, nhịp 24,54 m.

2. Hạ tầng khu trung tâm hành chính xã Bình Sơn

- Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã: Chiều cao 03 tầng có diện tích sàn khoảng 1.140 m^2;

- Văn phòng một cửa: Quy mô 01 tầng, diện tích sàn khoảng 150 m^2;

- Trụ sở Công an xã: Quy mô 02 tầng, có tổng diện tích xây dựng 436 m^2;

- Trung tâm Văn hóa thể thao và Học tập cộng đồng xã Bình Sơn: gồm Khối nhà trung tâm 01 phòng hội trường, 05 phòng làm việc diện tích sàn 700 m^2.

- Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường nội bộ trong khu hành chính: Đầu tư xây dựng mạng lưới các tuyến đường nội bộ trong khu hành chính gồm 06 tuyến đường với chiều dài tổng cộng 2.178 m, toàn bộ tất cả các tuyến đường đều được xây dựng hệ thống thoát nước mặt, nước sinh hoạt và hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh. Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật lưới điện trong khu hành chính.

3. Hạ tầng xã hội ấp 2 Suối Trầu

- Nhà Văn hóa Ấp 2 xã Suối Trầu: Bao gồm Nhà Văn hóa và sân thể thao với tổng diện tích đất khoảng 2.500 m^2. Khối nhà Trung tâm Văn hóa thể thao và Học tập cộng đồng có diện tích sàn xây dựng 330 m^2, quy mô 01 tầng trệt.

- Trường Mầm non Ấp 2 xã Suối Trầu: Diện tích sàn xây dựng 545 m^2, quy mô 01 tầng trệt.

1.4. Hệ thống đường điện trung - hạ thế

Xây dựng mới đường dây trung hạ thế và trạm biến áp và nâng cấp đường dây hiện hữu nhằm đảm bảo nguồn điện cung cấp cho các khu vực bị chia cắt. Trụ được trồng đi dọc theo tuyến và cách mép đường quy hoạch. Gồm 03 tuyến:

- Tuyến 01: Nâng cấp và cải tạo nhánh An Viễng từ trụ 163 đến Trạm biến áp Bàu Tre 6, chiều dài khoảng 8,5 km;

- Tuyến 02: Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường, chiều dài khoảng 11 km;

- Tuyến 03 : Đường Cầu Mên, chiều dài khoảng 5 km.

PHẦN VII:
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Một số điểm về Luật Khiếu nại 2011

1.1. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại

a) Quyền của người khiếu nại:

- Tự mình khiếu nại;

- Nhờ luật sư tư vấn hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại. Trường hợp được trợ giúp pháp lý thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại;

- Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền tham gia đối thoại;

- Được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật Nhà nước;

- Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu trong thời hạn 07 ngày, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

- Được yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

- Đưa ra các bằng chứng và giải trình về chứng cứ đó;

- Nhận văn bản trả lời thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp, được bồi thường thiệt hại;

- Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án;

- Được rút khiếu nại.

b) Nghĩa vụ của người khiếu nại:

- Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

- Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ đúng đắn, hợp lý; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

- Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành;

- Chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực.

1.2. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Cản trở, gây phiền hà; đe doạ, trả thù, trù dập người khiếu nại;

- Thiếu trách nhiệm; không giải quyết khiếu nại; làm sai lệch các thông tin, tài liệu, hồ sơ; cố ý giải quyết khiếu nại trái pháp luật;

- Giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định;

- Bao che; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại;

- Cố tình khiếu nại sai sự thật;

- Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh trật tự;

- Lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân.

- Vi phạm quy chế tiếp công dân;

- Vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại.

1.3. Hình thức khiếu nại

a) Gửi đơn khiếu nại: Đơn khiếu nại ghi rõ thời gian, tên, địa chỉ của người khiếu nại, tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức cá nhân bị khiếu nại, nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan và yêu cầu giải quyết. Đơn khiếu nại do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ.

b) Khiếu nại trực tiếp: Người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn người khiếu nại viết đơn hoặc người tiếp nhận ghi lại việc khiếu nại và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ.

c) Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì thực hiện như sau:

- Trường hợp nhiều người đến khiếu nại trực tiếp thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp và hướng dẫn người khiếu nại cử đại diện để trình bày nội dung khiếu nại; ghi lại việc khiếu nại.

- Trường hợp nhiều người khiếu nại bằng đơn thì đơn ghi rõ nội dung, chữ ký của những người khiếu nại và cử người đại diện để trình bày.

d) Khiếu nại thông qua người đại diện thì người đại diện phải là một trong những người khiếu nại, có giấy tờ chứng minh của việc đại diện và thực hiện khiếu nại theo quy định.

1.4. Trình tự khiếu nại

a) Khiếu nại lần đầu:

- Người có quyền khiếu nại lần đầu phải khiếu nại đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính.

- Thời hạn khiếu nại lần đầu là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Nếu quá thời hạn này sẽ không còn quyền khiếu nại.

b) Khiếu nại lần hai:

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

1.5. Trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính, tài liệu nội bộ trong cơ quan Nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật; quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao.

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

- Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

- Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

- Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

- Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

- Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

- Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

- Việc khiếu nại đã được toà án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của toà án, trừ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của tòa án.

1.6. Thời hạn giải quyết khiếu nại

a) Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu:

Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

b) Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai:

Không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.

1.7. Thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai;

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành.

1.8. Khởi kiện vụ án hành chính

Người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án hành chính trong những trường hợp sau:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết lần đầu mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền hoặc khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án;

- Hết thời hạn giải quyết khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

2. Một số điểm về Luật Tố cáo năm 2018

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo

a) Người tố cáo có các quyền sau đây:

- Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác;

- Được thông báo về việc thụ lý hoặc không thụ lý tố cáo, chuyển tố cáo đến nơi có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo;

- Tố cáo tiếp khi việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết;

- Rút tố cáo;

- Đề nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo;

- Được khen thưởng, bồi thường thiệt hại.

b) Người tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:

- Cung cấp thông tin cá nhân;

- Trình bày trung thực; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan;

- Chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo;

- Hợp tác với người giải quyết tố cáo;

- Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật gây ra.

2.2. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người tố cáo;

- Thiếu trách nhiệm, phân biệt đối xử trong giải quyết tố cáo;

- Tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo;

- Làm mất, sai lệch hồ sơ, tài liệu;

- Không giải quyết hoặc cố ý giải quyết tố cáo trái pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây phiền hà cho người tố cáo, người bị tố cáo;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo;

- Can thiệp trái pháp luật, cản trở việc giải quyết tố cáo;

- Đe dọa, mua chuộc, trả thù, trù dập, xúc phạm người tố cáo;

- Bao che người bị tố cáo;

- Cố ý tố cáo sai sự thật; cưỡng ép, lôi kéo, kích động, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; sử dụng họ tên của người khác để tố cáo;

- Mua chuộc, hối lộ, đe dọa, trả thù, xúc phạm người giải quyết tố cáo;

- Lợi dụng quyền tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; gây rối an ninh, trật tự công cộng; xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác;

- Đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo.

2.2. Hình thức tố cáo

a) Tố cáo được thực hiện bằng đơn:

- Đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm; họ tên, địa chỉ của người tố cáo, thông tin để liên hệ; hành vi bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác;

- Trường hợp nhiều người cùng tố cáo một nội dung thì đơn tố cáo phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo;

- Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.

b) Tố cáo trực tiếp tại nơi có thẩm quyền:

- Người tiếp nhận hướng dẫn viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ;

- Trường hợp nhiều người cùng tố cáo một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ;

- Người tố cáo có trách nhiệm tố cáo đến đúng địa chỉ tiếp nhận tố cáo đã công bố.

2.3. Nguyên tắc xác định thẩm quyền

a) Tố cáo hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức đó giải quyết;

b) Tố cáo hành vi vi phạm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết;

c) Tố cáo hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức bị tố cáo chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp giải quyết;

d) Tố cáo hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức xảy ra trong thời gian công tác trước đây nay đã chuyển sang cơ quan, tổ chức khác hoặc không còn là cán bộ, công chức, viên chức được xử lý như sau:

- Trường hợp người bị tố cáo là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đã chuyển công tác mà vẫn giữ chức vụ tương đương thì do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đang quản lý người bị tố cáo phối hợp giải quyết;

- Trường hợp người bị tố cáo đã chuyển công tác và giữ chức vụ cao hơn thì do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đang quản lý người bị tố cáo chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm phối hợp giải quyết.

Trường hợp người bị tố cáo đã chuyển công tác và là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đó thì do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức đã quản lý người bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm phối hợp giải quyết;

- Trường hợp người bị tố cáo đã chuyển công tác mà không thuộc 02 trường hợp trên thì do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức đang quản lý người bị tố cáo phối hợp giải quyết;

- Trường hợp người bị tố cáo không còn là cán bộ, công chức, viên chức thì do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo tại thời điểm có hành vi vi phạm chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp giải quyết.

đ) Tố cáo cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức đã hợp nhất, sáp nhập, chia, tách do người đứng đầu cơ quan, tổ chức sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách mà người bị tố cáo đang công tác chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp giải quyết.

e) Tố cáo cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức đã bị giải thể do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý cơ quan, tổ chức trước khi bị giải thể giải quyết.

g) Tố cáo cơ quan, tổ chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết.

2.4. Thời hạn giải quyết tố cáo

- Không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo;

- Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày;

- Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

2.5. Rút tố cáo

- Người tố cáo có quyền rút toàn bộ nội dung tố cáo hoặc một phần nội dung tố cáo trước khi có kết luận nội dung tố cáo. Việc rút tố cáo phải được thực hiện bằng văn bản;

- Trường hợp rút một phần nội dung tố cáo thì phần còn lại được tiếp tục giải quyết. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo mà có một hoặc một số người tố cáo rút tố cáo thì tố cáo vẫn tiếp tục được giải quyết;

- Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà hành vi bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc việc rút tố cáo do bị đe dọa, mua chuộc hoặc người tố cáo lợi dụng để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vụ việc tố cáo vẫn được giải quyết;

- Người tố cáo rút tố cáo nhưng có căn cứ xác định người tố cáo lợi dụng để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vẫn phải chịu trách nhiệm về hành vi tố cáo của mình, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

2.6. Tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo

a) Người giải quyết tố cáo tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Cần đợi kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc đợi kết quả giải quyết vụ việc khác có liên quan;

- Cần đợi kết quả giám định bổ sung, giám định lại.

b) Khi căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo không còn thì tiếp tục giải quyết tố cáo.

c) Người giải quyết tố cáo ra quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo;

- Người bị tố cáo đã chết và nội dung tố cáo chỉ liên quan đến trách nhiệm của người bị tố cáo;

- Vụ việc đã được Tòa án hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác giải quyết.

d) Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo phải nêu rõ lý do, trách nhiệm các bên có liên quan và gửi đến người tố cáo, người bị tố cáo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

2.7. Việc xử lý kết luận nội dung tố cáo

Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:

- Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo, đồng thời xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;

- Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định.

- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân để xử lý theo quy định./.